

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

---

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý 1 – Năm 2010**

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
  - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại.
  - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không.
  - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan.
  - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
  - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics.
  - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên.
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản.
  - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát..
  - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác.
  - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
- 4. Tổng số các công ty con** : 13  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 12  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i>                                         | <i>Địa chỉ</i>                                                                                                                               | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Quyền biểu quyết</i> |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|
| Gemadep (Singapore) Ltd.                                   | 120 Lower Delta Road, #15-14/15Cendex Centre, Singapore.                                                                                     | 100,00 %             | 100,00 %                |
| Gemadep (Malaysia) Ltd.                                    | Suite 6.07 & 6.08, Level 6, Menara Trend, Intan Millennium Square, No 68, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan | 100,00 %             | 100,00 %                |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M                | Lầu 22 Tòa nhà Gemadep, số 2Bis-4-6, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                       | 100,00 %             | 100,00 %                |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long                               | Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 2Bis-4-6, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                       | 100,00 %             | 100,00 %                |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep               | Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.                                                      | 100,00 %             | 100,00 %                |
| Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep | Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.                                                                 | 50,00%               | 50,00%                  |
| Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu     | 1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.                                                                                       | 70,00%               | 70,00%                  |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadep Dung Quất             | Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.                                                | 66,20%               | 66,20%                  |
| Công ty TNHH ISS Gemadep                                   | Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                                                  | 51,00 %              | 51,00 %                 |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng              | Số 452 Lê Thánh Tôn, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.                                                                 | 100,00 %             | 100,00 %                |
| Công ty cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen-Gemadep   | Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.                                                                  | 51,00%               | 51,00%                  |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ <sup>(*)</sup>  | Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                                                       | 26,00%               | 52,00%                  |

(\*) Công ty cổ phần Gemadep nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

đồng để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 52%.

#### 6. Các công ty con chưa hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009

| <i>Tên công ty</i>                             | <i>Địa chỉ</i>                                         | <i>Lý do</i>                    |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Nhơn Hội | Số 98 Phạm Hùng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam | Tạm ngưng triển khai hoạt động. |

#### 7. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

| <i>Tên công ty</i>                                | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>                                                                         | <i>Tỷ lệ phần sở hữu</i> |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Công ty MBN-GMD Việt Nam                          | Số 2 Bis 4-6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                       | 34,00 %                  |
| Công ty cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu              | 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.                            | 26,78%                   |
| Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo              | 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.                                           | 29,00%                   |
| Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực       | Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.                                    | 38,00%                   |
| Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam | Lô J2, đường số 8, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.                  | 49,00%                   |
| Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam     | Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                         | 49,00%                   |
| Công ty cổ phần Du Lịch Minh Đạm                  | Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.                | 40,00%                   |
| Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn          | A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                  | 23,00%                   |
| Công ty cổ phần Sư Tử Chúa                        | Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam                               | 5,00%                    |
| Công ty TNHH Sinokor Việt Nam                     | 2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                            | 49,00%                   |
| Công ty cổ phần Cảng Nam Hải                      | Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.                  | 30,00%                   |
| Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng              | Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                                   | 45,00%                   |
| Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL              | Lô H.04, đường số 1, khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam | 49,00%                   |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính, Quý Tài chính.**

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý tài chính báo cáo là quý 1 năm 2010, tức từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 03 năm 2010

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính của từng đơn vị trong tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Cơ sở hợp nhất**

#### ***Các công ty con***

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### ***Các công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 5 - 25        |
| Máy móc và thiết bị             | 5 - 8         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 23        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 - 8         |

#### 7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Trong năm, Tập đoàn chưa khấu hao quyền sử dụng đất do chưa đưa vào sử dụng.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để có được chương trình kế toán phục vụ cho việc hạch toán, quản lý kế toán, tài chính. Chi phí này được khấu hao trong 3 năm.

#### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **12. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### **13. Hoạt động liên doanh**

Lợi ích của Tập đoàn trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Tập đoàn trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

#### **14. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Lãi thuê tài chính***

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 2 năm theo phương pháp đường thẳng.

##### ***Chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ không quá 2 năm.

#### **15. Chi phí phải trả**

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng của các tháng trước và quý trước.

#### 16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### 17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ.

#### 18. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

#### 19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty mẹ (Công ty cổ phần Gemadept): áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các công ty con:
  - Gemadept (Singapore) Ltd.: có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% trên thu nhập chịu thuế.
  - Gemadept (Malaysia) Ltd.: có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M: thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH ISS Gemadept có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH Cảng Phước Long có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Công ty cổ phần Cảng Quốc Tế Gemadept - Dung Quất được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty TNHH một thành viên Tiếp Vận Gemadept có nghĩa vụ nộp thuế như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất: thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% cho thời gian còn lại. Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động dịch vụ: thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% cho thời gian còn lại. Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo.

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế.

Công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển Vũng Tàu có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế.

Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế.

Công ty cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Trong việc hợp nhất báo cáo tài chính, các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá cuối năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và chỉ được tính vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn thanh lý khoản đầu tư thuần này.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD  
: 26.963 VND/EUR  
: 12.774 VND/SGD  
: 5.236 VND/RM

31/03/2010 : 18.544 VND/USD  
: 25.605 VND/EUR  
: 13.557 VND/SGD  
: 5.787 VND/RM

#### 22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

|                               | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt , tiền gửi ngân hàng | 206.913.527.549        | 217.117.165.556        |
| Các khoản tương đương tiền    | 1.200.000.000          | 6.916.135.000          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>208.113.527.549</b> | <b>224.033.300.556</b> |

#### 2. Đầu tư ngắn hạn:

|                                           | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Cổ phiếu                                  | 234.173.074.798        | 249.607.406.211        |
| Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential  | 4.778.730.000          | 4.778.730.000          |
| Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam | -                      | -                      |
| Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống     | 4.582.628.724          | 4.680.660.294          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>243.534.433.522</b> | <b>259.066.796.505</b> |

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu.

#### 4. Phải thu khách hàng :

|                                                             | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)                            | 121.735.280.944        | 132.430.479.462        |
| Gemadept (Singapore) Ltd.                                   | 25.463.414.237         | 32.078.899.110         |
| Gemadept (Malaysia) Ltd.                                    | 8.982.210.222          | 10.447.898.692         |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M                 | -                      | 88.432.244             |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long                                | 30.127.981.537         | 31.752.645.526         |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất             | 3.038.730.436          | 889.624.090            |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept               | 15.933.628.959         | 18.985.217.968         |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng              | 33.667.200.205         | 17.703.983.278         |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ                  | 5.527.482.835          | 3.976.875.395          |
| Công ty TNHH ISS Gemadept                                   | 1.234.136.377          | -                      |
| Công ty cổ phần Sư tử chúa                                  | 155.347.342            | -                      |
| Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept | 4.472.094.130          | -                      |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>250.337.507.224</b> | <b>248.354.055.765</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 5. Trả trước cho người bán

|                                                             | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)                            | 15.966.726.852        | 4.964.760.644         |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M                 | -                     | 149.106.831           |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long                                | 4.661.100.414         | 4.204.616.803         |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất             | 1.300.585.806         | 17.284.847.303        |
| Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept | 6.991.721.555         | 6.991.721.555         |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept               | 732.021.500           | 1.251.080.400         |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng              | 322.687.069           | 179.099.011           |
| Gemadept (Singapore) Ltd                                    | 816.840.024           | -                     |
| Công ty TNHH ISS Gemadept                                   | 1.659.306             | -                     |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ                  | 613.072.300           | -                     |
| Công ty cổ phần Sư tử chúa                                  | 110.162.170           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>31.516.576.996</b> | <b>35.025.232.547</b> |

#### 6. Các khoản phải thu khác

|                                                                                       | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu về các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý                              | 16.982.044.116         | 35.353.277.127         |
| Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác                                             | 74.346.000.000         | 66.387.246.409         |
| Phải thu Công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam về khoản góp vốn hợp tác liên doanh | 152.163.534            | 152.163.534            |
| Phải thu Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ về khoản góp vốn đầu tư           | 5.800.000.000          | 5.800.000.000          |
| Phải thu Hyundai Merchant Marine (Vietnam) Co., Ltd. tiền lợi nhuận được chia         | -                      | -                      |
| Phải thu về kinh doanh chứng khoán                                                    | 3.968.000.000          | 3.968.000.000          |
| Phải thu về các khoản cho cá nhân ngoài Công ty mượn                                  | -                      | 88.000.000             |
| Phải thu khác                                                                         | 89.031.467.546         | 47.238.318.601         |
| <b>Cộng</b>                                                                           | <b>190.279.675.196</b> | <b>158.987.005.671</b> |

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|                                                    | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty cổ phần Biển Nam Á                         | 333.125.000       | 333.125.000       |
| Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trần | 190.500.000       | 190.500.000       |
| Nguyễn Đức Hùng - YML Hà Nội                       | 140.112.750       | 140.112.750       |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải             | 84.500.000        | 84.500.000        |
| Công ty dầu thực vật Bình An                       | 33.663.006        | 33.663.006        |
| Công ty vận tải Nghĩa Hưng                         | 20.412.000        | 20.412.000        |
| Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N             | 14.091.000        | 14.091.000        |
| Vinatrans Regional Container Lines                 | 12.655.566        | 12.655.566        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                    | <u>Số cuối kỳ</u>  | <u>Số đầu năm</u>  |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Các đối tượng khác | 81.812.000         | -                  |
| <b>Cộng</b>        | <b>910.871.322</b> | <b>829.059.322</b> |

**8. Hàng tồn kho**

|                                     | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu tồn kho       | 15.610.374.139        | 18.290.446.692        |
| Nhiên liệu tồn kho                  | -                     | -                     |
| Nhiên liệu tồn trên tàu             | 30.459.419.219        | 27.856.801.618        |
| Công cụ dụng cụ                     | -                     | 227.640.990           |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.258.989.769        | 8.958.243.840         |
| Hàng hóa                            | -                     | 100.290.745           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>56.328.783.127</b> | <b>55.433.423.885</b> |

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                      | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa tàu Pacific Express | 1.285.756.485         | 1.541.527.749        |
| Chi phí công cụ, dụng cụ             | -                     | 532.922.082          |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác      | 22.337.772.326        | 6.023.280.535        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>23.623.528.811</b> | <b>8.097.730.366</b> |

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

|                                     | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT nộp thừa                  | 3.265.911.653         | 4.063.165.003         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 9.882.193.686         | 9.882.193.686         |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa      |                       | 123.399.613           |
| Thuế khác                           | 3.000.000             | 3.000.000             |
| <b>Cộng</b>                         | <b>13.151.105.339</b> | <b>14.071.758.302</b> |

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

|                 | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng         | 18.356.300.183        | 25.210.199.052        |
| Ký quỹ ngắn hạn | 64.896.061.383        | 69.600.175.102        |
| <b>Cộng</b>     | <b>83.252.361.566</b> | <b>94.810.374.154</b> |

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                    | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>              |
|--------------------|-------------------------------|----------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá         |                               |                            |                                        |                                  |                          |
| Số đầu năm         | 212.348.517.408               | 117.837.616.407            | 1.733.664.371.913                      | 59.478.150.100                   | 2.123.328.655.828        |
| Tăng trong kỳ      |                               |                            | 40.952.100.729                         | 274.217.901                      | 41.226.318.630           |
| Giảm trong kỳ      |                               |                            | 71.818.182                             |                                  | 71.818.182               |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>212.348.517.408</b>        | <b>117.837.616.407</b>     | <b>1.774.544.654.460</b>               | <b>59.752.368.001</b>            | <b>2.164.483.156.276</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Giá trị hao mòn**

|                    |                        |                       |                          |                       |                          |
|--------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số đầu năm         | <b>42.500.218.741</b>  | <b>79.910.590.151</b> | <b>463.338.811.986</b>   | <b>16.783.992.188</b> | <b>602.533.613.066</b>   |
| Tăng trong kỳ      | 2.393.687.208          | 3.657.210.741         | 37.556.697.345           | 1.644.620.838         | <b>45.252.216.131</b>    |
| Giảm trong kỳ      |                        |                       | 595.095                  |                       | <b>595.095</b>           |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>44.893.905.949</b>  | <b>83.567.800.892</b> | <b>500.894.914.236</b>   | <b>18.428.613.026</b> | <b>647.785.234.102</b>   |
| Số đầu năm         | <b>169.848.298.667</b> | <b>37.927.026.256</b> | <b>1.270.325.559.927</b> | <b>42.694.157.912</b> | <b>1.520.795.042.762</b> |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>167.454.611.460</b> | <b>34.269.815.515</b> | <b>1.273.649.740.224</b> | <b>41.323.754.976</b> | <b>1.516.697.922.174</b> |

**13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn

|                   | <b>Nguyên giá</b>     | <b>Giá trị hao mòn</b> | <b>Giá trị còn lại</b> |
|-------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm        | 23.890.768.666        | 12.659.212.093         | 11.231.556.573         |
| Tăng trong kỳ     |                       | 991.179.435            |                        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>23.890.768.666</b> | <b>13.650.391.528</b>  | <b>10.240.377.138</b>  |

**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

|                        | <b>Quyền sử dụng đất</b> | <b>Phần mềm máy vi tính</b> | <b>Cộng</b>           |
|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                          |                             |                       |
| Số đầu năm             | 20.495.188.865           | 10.271.222.229              | 30.766.411.094        |
| Tăng trong kỳ          |                          |                             |                       |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>20.495.188.865</b>    | <b>10.271.222.229</b>       | <b>30.766.411.094</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                          |                             |                       |
| Số đầu năm             | -                        | 1.728.928.159               | 1.728.928.159         |
| Tăng trong năm         | -                        | 194.798.525                 | 194.798.525           |
| Giảm trong năm         | -                        |                             |                       |
| <b>Số cuối kỳ</b>      |                          | <b>1.923.726.684</b>        | <b>1.923.726.684</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                          |                             |                       |
| Số đầu năm             | 20.495.188.865           | 8.542.294.070               | 29.037.482.935        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>20.495.188.865</b>    | <b>8.347.495.545</b>        | <b>28.842.684.410</b> |

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                       | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Gemadept Mẹ                           | 29.831.194.523         | 28.439.647.253         |
| Công ty CP Cảng Quốc Tế GMD Dung Quất | 179.828.652.543        | 172.328.361.044        |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long          | 18.207.982.635         | 200.000.000            |
| Các công ty con khác                  | 22.542.103.088         | 22.542.102.988         |
| <b>Cộng</b>                           | <b>250.409.932.789</b> | <b>223.510.111.285</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

|                   | <u>Nguyên giá</u>      | <u>Giá trị hao mòn</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm        | 278.948.439.795        | 16.736.906.388         | 262.211.533.407        |
| Tăng trong kỳ     |                        | 2.791.162.207          |                        |
| Giảm khác         |                        |                        |                        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>278.948.439.795</b> | <b>19.528.068.595</b>  | <b>259.420.371.200</b> |

**17. Đầu tư vào công ty con**

Các Công ty này đang trong giai đoạn triển khai các hoạt động kinh doanh và chưa có Báo cáo tài chính nên chưa được hợp nhất vào trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

|                                                | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Nhơn Hội | 6.600.000.000        | 6.600.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>6.600.000.000</b> | <b>6.600.000.000</b> |

**18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

| <u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>             | <u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u> |                 | <u>Vốn đầu tư (VND)</u> |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------------------------|
|                                                     | <u>Theo giấy phép</u>           | <u>Thực góp</u> |                         |
| Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng                | 45,00                           | 45,00           | 42.761.600.000          |
| Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)          | 26,78                           | 26,78           | 9.642.000.000           |
| MBN-GMD VIETNAM                                     | 34,00                           | 34,00           | 1.534.080.000           |
| Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo                | 29,00                           | 29,00           | 32.206.940.000          |
| Công ty cổ phần Cảng Nam Hải                        | 30,00                           | 30,00           | 27.596.000.000          |
| Công ty cổ phần Du Lịch Minh Đạm                    | 40,00                           | 10,20           | 17.642.292.327          |
| Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực         | 38,00                           | 38,00           | 23.236.200.000          |
| Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam    | 49,00                           | 49,00           | 11.882.010.000          |
| Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam       | 49,00                           | 49,00           | 2.371.845.000           |
| Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn            | 23,00                           | 19,27           | 69.500.000.000          |
| Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông | 25,00                           | 25,00           | 35.375.000.000          |
| Công ty Sinokor Việt Nam                            | 49,00                           | 49,00           | 2.319.909.000           |
| Công ty Liên doanh OOCL Việt Nam                    | 49,00                           | 49,00           | 3.848.541.000           |
| Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL                | 49,00                           | 35,52           | 2.781.857.430           |
| Công ty cổ phần Cảng Cái Mép – Terminal Link        | 50,00                           | 50,00           | 612.052.327.921         |
| Liên doanh liên kết và các khoản lãi hợp nhất khác  |                                 |                 | 42.446.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                         |                                 |                 | <b>937.196.602.678</b>  |

**19. Đầu tư dài hạn khác**

|                 | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư cổ phiếu | 348.317.970.000   | 354.382.740.000   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                              | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Đầu tư trái phiếu, công trái | 10.000.000             | 10.000.000             |
| Đầu tư dài hạn khác          | 81.465.901.494         | 73.401.131.494         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>429.793.871.494</b> | <b>427.793.871.494</b> |

**20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

|                                                       | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn                   | 20.260.415.500        | 20.260.415.500        |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty con, liên kết, khác | 5.694.296.767         | 5.694.296.767         |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>25.954.712.267</b> | <b>25.954.712.267</b> |

**21. Chi phí trả trước dài hạn**

Là khoản chi phí công cụ dụng cụ, sửa chữa văn phòng, kho bãi... doanh nghiệp còn phân bổ cho các kỳ kế toán tiếp theo.

|                           | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước dài hạn | 6.847.932.673        | 9.690.283.960        |
| <b>Cộng</b>               | <b>6.847.932.673</b> | <b>9.690.283.960</b> |

**22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**23. Tài sản dài hạn khác**

|                                                                                       | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng                      | 1.873.321.490         | 1.873.321.490        |
| Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không | 1.166.165.000         | 1.166.165.000        |
| Các khoản ký quỹ dài hạn khác                                                         | 35.952.000.000        | 20.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                                                           | <b>38.991.486.490</b> | <b>3.059.486.490</b> |

**24. Vay và nợ ngắn hạn**

|                                                 | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)                | 205.832.411.622        | 204.618.868.697        |
| Gemadept (Singapore) Ltd.                       |                        | 54.540.675.162         |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất | 7.000.000.000          | 7.000.000.000          |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long                    | 101.604.376.346        | 99.449.160.846         |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>314.436.787.968</b> | <b>365.608.704.705</b> |

**25. Phải trả người bán**

|                                  | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam) | 83.300.453.697    | 109.922.674.570   |
| Gemadept (Singapore) Ltd.        | 12.393.944.157    | 14.947.534.422    |
| Gemadept (Malaysia) Ltd.         | 4.906.539.952     | 14.315.517.216    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                                             | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH ISS Gemadept                                   | 9.796.197              | -                      |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long                                | 83.524.695.259         | 52.442.197.516         |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất             | 20.157.101.050         | 18.932.572.438         |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M                 | -                      | 3.111.705.110          |
| Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept | 337.697.664            | 337.697.664            |
| Công ty TNHH một thành viên Tiếp vận Gemadept               | 3.117.484.583          | 1.366.210.170          |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng              | 41.929.749.455         | 27.948.304.585         |
| Công ty cổ phần tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept  | 136.999.210            | 136.999.210            |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ                  | 7.309.028.986          | 9.309.538.266          |
| Công ty cổ phần Sư tử chúa                                  | 5.753.797.576          | -                      |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>262.877.287.786</b> | <b>252.770.951.167</b> |

**26. Người mua trả tiền trước**

|                                                             | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)                            | 28.484.510.811        | 10.140.272.792        |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất             | 1.323.318.361         | 6.855.088             |
| Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept | 996.617.600           | 996.617.600           |
| Công ty TNHH một thành viên Tiếp vận Gemadept               | 465.228.447           | 388.612.925           |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng              | 225.765.284           | 455.779.556           |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>31.495.440.503</b> | <b>11.988.137.961</b> |

**27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác doanh nghiệp còn phải thực hiện nghĩa vụ với nhà nước .

|                                     | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 31.205.241.740        | 19.032.658.009        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>31.205.241.740</b> | <b>19.032.658.009</b> |

**28. Phải trả người lao động**

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

**29. Chi phí phải trả**

Là các khoản chi phí vận chuyển , nâng hạ, xếp dỡ , chi phí sửa chữa ...tương ứng với chi phí còn phải trả trong kỳ.

|              | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|--------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí khác | 54.327.368.528        | 45.212.393.716        |
| <b>Cộng</b>  | <b>54.327.368.528</b> | <b>45.212.393.716</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                          | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn       | 2.818.940.562         | 2.818.940.562         |
| Bảo hiểm xã hội          | 698.496.911           | 2.097.788.344         |
| Bảo hiểm y tế            | 51.906.000            | 51.906.000            |
| Bảo hiểm thất nghiệp     | 813.042.835           | 687.145.594           |
| Cổ tức phải trả          | -                     | 1.065.246.600         |
| Doanh thu chưa thực hiện | 10.984.886.756        | 5.389.641.693         |
| Nhận ký quỹ, ký cược     | 2.958.277.300         | 6.081.043.999         |
| Tài sản thừa chờ xử lý   | 1.558.000.341         | 1.566.810.678         |
| Các khoản phải trả khác  | 54.617.456.532        | 60.918.239.853        |
| <b>Cộng</b>              | <b>74.501.007.237</b> | <b>80.676.763.323</b> |

**31. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

|                                        | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Các khoản dự phòng phải trả ngắn hạn | 1.648.316.717        | 1.791.259.517        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>1.648.316.717</b> | <b>1.791.259.517</b> |

**32. Phải trả dài hạn khác**

|                                                                                                                                          | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh | 26.344.714.915         | 24.531.675.907         |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn tham gia liên doanh                                                                              | 283.980.000.000        | 283.980.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                              | <b>310.324.714.915</b> | <b>308.511.675.907</b> |

**33. Vay và nợ dài hạn**

|                                                 | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)                | 215.340.063.704        | 206.672.301.747        |
| Gemadept (Singapore) Ltd.                       | 358.170.251.754        | 292.438.477.692        |
| Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất | 221.921.032.575        | 221.071.032.575        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>795.431.348.033</b> | <b>720.181.812.014</b> |

**34. Vốn chủ sở hữu****Cổ tức**

Trong quý 1 năm 2010, doanh nghiệp chưa chia cổ tức cho cổ đông

**Cổ phiếu**

|                                        | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 48.212.500        | 47.500.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 48.212.500        | 47.500.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 48.212.500        | 47.500.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                 | -                 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 35. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                               | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>  |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi ... | 2.919.315.254        | 682.934.804        |
| <b>Cộng</b>                   | <b>2.919.315.254</b> | <b>682.934.804</b> |

#### 36. Lợi ích của cổ đông thiểu số

|                                                | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số                | 92.050.396.000         | 92.050.396.000         |
| Lợi nhuận sau thuế lũy kế của cổ đông thiểu số | 94.316.345.413         | 96.679.194.737         |
| Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | 1.733.292.210          | 1.733.292.210          |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>188.100.033.623</b> | <b>190.462.882.947</b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG

### 1. Tài sản, nợ tiềm tàng

Công ty cổ phần Gemadept đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất thuê của lô đất diện tích 1.112,60 m<sup>2</sup> tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 12/2007/HĐCN ngày 30 tháng 8 năm 2007 với Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển. Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển đang làm thủ tục giải thể và chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất nêu trên cho Công ty. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này tuy nhiên khả năng Công ty sẽ phải thanh toán các khoản thuế liên quan để có được quyền sở hữu lô đất nêu trên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2010

**Trương Như Nguyên**  
Người lập biểu

**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Kế Toán Trưởng

**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc